

Bản án số: 12/2018/DS-ST  
Ngày : 16/01/2018  
V/v Tranh chấp lỗi đi chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Thu Thảo

- Các hội thẩm nhân dân: 1- Ông Nguyễn Thành Vinh;  
2- Bà Phan Thị Mai Hương.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lưu Thị Ngọc Hương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức.

***Đại diện Viện Kiểm sát Nhân Dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa:*** bà Nguyễn Thị Như Khương - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 160/2015/TLST-DS ngày 01/6/2015 về “Tranh chấp lỗi đi chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 599/2017/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 358/2017/QĐST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Ông Đinh Quý P; sinh năm 1971

Địa chỉ: khu phố 5, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đỗ Thị L; sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: khu phố 5, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

***2. Bị đơn:***

- Ông Phạm Văn X; sinh năm 1968

Địa chỉ: khu phố 5, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- Bà Phạm Thị N; sinh năm 1964

Địa chỉ: khu phố 5, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

***3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

3.1 Bà Phạm Thị Kim T; sinh năm 1976 (vắng mặt)

3.2 Ông Phạm Văn T; sinh năm 1978 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: khu phố 5, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3 Bà Phạm Ngọc A; sinh năm 1967 (vắng mặt)

3.4 Ông Phạm Trung H; sinh năm 1990 (vắng mặt)

3.5 Ông Phạm Quốc H; sinh năm 1997 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: khu phố 5, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.6 Ông Nguyễn Văn K; sinh năm 1969 (có mặt)

3.7 Bà Đỗ Thị L; sinh năm 1973 (có mặt)

3.8 Nguyễn Thành N; sinh năm 2002

3.9 Nguyễn Sỹ N; sinh năm 2009

Cùng địa chỉ: khu phố 5, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Nguyễn Thành N và Nguyễn Sỹ N : Ông Nguyễn Văn K và Bà Đỗ Thị L (có mặt)

3.4 Bà Vũ Thị L; sinh năm 1972

Địa chỉ: xóm E, xã Hải Lý, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Người đại diện hợp pháp của bà Lan: Bà Đỗ Thị L; sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: khu phố 5, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

3.5. Ông Phạm Văn S; sinh năm 1940

Địa chỉ: 10-10A đường 26, khu phố 5, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

+ Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà xác định: vào năm 2002 ông Đinh Quý P và bà Vũ Thị L có nhận chuyển nhượng một phần đất tại thửa đất số 581, tờ bản đồ số 53 đường số 26, tổ 33, khu phố 5, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh của ông Phạm Văn S. Khi chuyển nhượng đất ông S có ghi trong hợp đồng sang nhượng đất bằng giấy tay ngày 16/11/2002 chừa đường đi cho ông P ngang 3m dài từ đường chính chạy vào tới vị trí đất của ông P. Tuy nhiên ông S đã không thực hiện đúng thoả thuận, con đường không đúng diện tích như ông S thoả thuận khi chuyển nhượng đất. Năm 2012 ông Phạm Văn S tặng cho con là bà Phạm Thị N, ông Phạm Văn X quyền sử dụng đất và con đường bị gia đình bà N, ông X lấn chiếm sử dụng nấu ăn, để xe, che bạt, xây hàng rào gây khó khăn trong việc đi lại cho gia đình ông P và các hộ khác đang sử dụng con đường này làm lối đi chung. Do đó ông Đinh Quý P yêu cầu bà Phạm Thị N và ông Phạm Văn X trả lại diện tích đất đã lấn chiếm trên lối đi chung đúng như ông Phạm Văn S đã thoả thuận trong hợp đồng sang nhượng đất bằng giấy tay ngày 16/11/2002, con đường có diện tích ngang 3m, dài đến cuối con hẻm tiếp giáp với phần đất đã chuyển nhượng cho ông Đinh Quý P.

Bị đơn: bà Phạm Thị N, ông Phạm Văn X không có lời khai trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Vũ Thị L có đại diện theo uỷ quyền bà Đỗ Thị L trình bày: thống nhất ý kiến đã trình bày của ông Đinh Quý P và không có ý kiến gì khác.

Bà Đỗ Thị L, ông Nguyễn Văn K, Nguyễn Thành N, Nguyễn Sỹ Ng – Đại diện hợp pháp của 02 trẻ N và Ng có bà Lý và ông Khai: trình bày: thống nhất ý kiến với ông Đinh Quý P.

Ông Phạm Văn S, Bà Phạm Thị Kim T; Ông Phạm Văn T; Bà Phạm Ngọc A; Ông Phạm Trung H; Ông Phạm Quốc H vắng mặt suốt quá trình tố tụng và không có lời khai.

Tại phiên toà đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Cụ thể yêu cầu nhà số 10 đường 26, tổ 33, khu phố 5, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức do bà Phạm Thị N quản lý, sử dụng trả lại diện tích lấn chiếm có ký hiệu số thứ tự 1, 4 tổng diện tích 3.8m<sup>2</sup> và nhà số 10A đường 26, tổ 33, khu phố 5, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức do ông Phạm Văn X quản lý sử dụng lấn chiếm có số thứ tự 5 diện tích 2.7m<sup>2</sup> theo bản đồ hiện trạng vị trí xác định ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ Sở tài nguyên Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 26/4/2016. Buộc ông X và bà N phải tháo dỡ, di dời hàng rào, mái hiên, các vật dụng khác che chắn, gây cản trở trên lối đi chung.

Ông Phạm Văn K, bà Đỗ Thị L thống nhất ý kiến trình bày của đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn và không có ý kiến gì khác.

Bị đơn bà Phạm Thị N và ông Phạm Văn X; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Phạm Văn S; Bà Phạm Thị Kim T; Ông Phạm Văn T; Bà Phạm Ngọc A; Ông Phạm Trung H và Ông Phạm Quốc H đã được Toà án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức phát biểu ý kiến xác định việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Đinh Quý P tranh chấp với ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị N lối đi chung tọa lạc tại phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức nhằm thửa cũ 49, (49), 50, đường a, tờ bản đồ số 53, Bộ địa chính phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, theo tài liệu năm 2005. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận Thủ Đức theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Phạm Thị N và ông Phạm Văn X; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Phạm Văn S; Bà Phạm Thị Kim T; Ông Phạm Văn T; Bà Phạm Ngọc A; Ông Phạm Trung H và Ông Phạm Quốc H không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào do đó Hội đồng xét xử chỉ xem xét, đánh giá các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và Toà án thu thập được trong quá trình tố tụng làm cơ sở giải quyết vụ án.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: về việc yêu cầu bà Phạm Thị N và ông Phạm Văn X trả lại diện tích đất đã lấn chiếm trên lối đi chung có chiều ngang 3m, kéo dài đến cuối đường hẻm tiếp giáp với phần đất đã chuyển nhượng cho ông Đinh Quý P, phần lấn chiếm có các số thứ tự 1, 4, 5 theo Bản đồ hiện trạng vị trí - xác định ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ Sở tài nguyên Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 26/4/2016 có tổng diện tích 6.5m<sup>2</sup>.

Căn cứ hợp đồng sang nhượng đất ngày 16/11/2002 và ngày 17/11/2002 được ký kết giữa ông Phạm Văn S (ba ruột của ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị N) và ông Đinh Quý P. Nội dung hợp đồng thoả thuận ông S sang nhượng cho ông P phần đất có diện tích 80m<sup>2</sup> với giá 2.600.000 đồng/m<sup>2</sup>, tổng cộng 208.000.000 đồng, theo thoả thuận trong hợp đồng sang nhượng đất, ông S đã nhận đủ tiền và ông P đã nhận đủ đất và hiện nay ông Đinh Quý P đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN CH 03756 ngày 03/4/2012 mang tên Đinh Quý P và Vũ Thị L. Ông Đinh Quý P xác định không có tranh chấp gì đối với việc chuyển nhượng đất giữa ông và ông S. Các bên không tranh chấp đối với hợp đồng sang nhượng đất đã thực hiện năm 2002 do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Năm 2005 ông Phạm Văn S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 07860 vào ngày 30/12/2005 mang tên Phạm Văn S và Trần Thị Đ, đến năm 2012 ông S ký hợp đồng tặng cho bà Phạm Thị N toàn bộ diện tích đất được cấp giấy chứng nhận là 200m<sup>2</sup> đất và cập nhật biến động sang tên bà Phạm Thị N vào ngày 25/9/2012. Do đó trong vụ án này không cần thiết đưa bà Trần Thị Đ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Trong vụ án này ông Đinh Quý P khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị N số nhà 10 và ông Phạm Văn X nhà số 10A đường số 26, khu phố 5, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức trả lại phần đất đã lấn chiếm đảm bảo đúng diện tích con đường có bề ngang 3m do đó Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết đối với hai nhà số 10 và số 10A.

Căn cứ văn bản số 1612/UBND – TNMT ngày 10/5/2016 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức xác định vào năm 2002 ông S tự mở đường với chiều dài khoảng 41.5m, chiều rộng từ 2.45m đến 3m với kết cấu đường đất.

Căn cứ biên bản làm việc ngày 19/10/2017 của Toà án nhân dân quận Thủ Đức với đại diện ban điều hành khu phố 5, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, đồng thời là người dân sinh sống lâu năm tại địa phương: xác định hẻm số 10 đường số 26, khu phố 5, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức có từ khoảng năm 2002, khi ông S chuyển nhượng đất cho ông Đinh Quý P làm nhà ở, diện tích chiều ngang bao nhiêu địa phương không rõ do các bên tự thoả thuận và hiện trạng là đường đất, sau đó đường hẻm được trải đá.

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 07860 cấp cho ông Phạm Văn S và bà Trần Thị Đ vào ngày 30/12/2005 thể hiện có hẻm đất, đến năm 2012 khi ông P

được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì con hẻm được trải đá.

Theo nội dung thoả thuận tại 02 hợp đồng sang nhượng đất ngày 16/11/2002 và 17/11/2002 có thoả thuận phía ông S cắt con đường từ đường chính vào tới phần đất ông P chuyển nhượng của ông S với chiều rộng con đường là 3 m. Từ khi chuyển nhượng đất cho đến năm 2007 ông S thực hiện đúng thoả thuận, đã chừa lối đi chung rộng bề ngang 3m. Tuy nhiên sau năm 2007 ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị N là con của ông S xây dựng lấn chiếm ra lối đi chung này làm cho con đường bị thu hẹp, đồng thời che chắn, nấu ăn, để các vật dụng cản trở gây khó khăn khi lưu thông trên con đường này.

Đối với nhà số 10 do bà Phạm Thị N quản lý sử dụng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 07860 vào ngày 30/12/2005 mang tên Phạm Văn S và Trần Thị Đ cập nhật biến động sang tên bà Phạm Thị N vào năm 2012. Tại thời điểm ông S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã tồn tại con hẻm đất này và theo lời khai của bà Đỗ Thị L và đơn khởi kiện của ông Đinh Quý P thì sau năm 2007 thì con đường mới bị lấn chiếm và rào chắn gây cản trở lối đi, bà Lý xác định phần lấn chiếm nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên và tại phiên toà bà Lý đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn xác định không có yêu cầu gì đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông S và cập nhật biến động sang tên cho bà N. Như vậy theo bản đồ hiện trạng vị trí – xác định ranh lập ngày 26/4/2016 phần đất nhà số 10 lấn chiếm ra lối đi chung có ký hiệu số thứ tự 1 và số thứ tự 4 có tổng diện tích lấn chiếm là 3.8m<sup>2</sup>.

Đối với nhà số 10A do ông Phạm Văn X quản lý, sử dụng đã lấn chiếm 2.7m<sup>2</sup> theo bản đồ hiện trạng vị trí – xác định ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ Sở tài nguyên Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 26/4/2016 có ký hiệu số 5.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06/10/2015 và ngày 30/3/2017 có cơ sở xác định 02 hộ dân sinh sống tại số nhà 10 và số 10A đường số 26, khu phố 5, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức đã có hành vi xây dựng hàng rào, gắn đồng hồ điện, đặt bếp lò, che bạt và đặt các vật dụng khác trên lối đi này gây cản trở lưu thông làm thu hẹp con đường.

Do đó có cơ sở buộc bà Phạm Thị N nhà số 10 đường số 26, khu phố 5, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh và ông Phạm Văn X nhà số 10A đường số 26, khu phố 5, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh trả lại diện tích lấn chiếm ra lối đi chung tại đường hẻm nối từ đường 26 đến cuối đường tiếp giáp với phần đất ông Đinh Quý P chuyển nhượng có diện tích 6.5m<sup>2</sup> và buộc bà Phạm Thị N, ông Phạm Văn X tự tháo dỡ, di dời hàng rào, đồng hồ điện, bếp lò và các vật dụng khác rào, che chắn trên con đường hẻm này để trả lại hiện trạng thông thoáng cho lối đi chung.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm:

- + Bị đơn ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị N phải chịu án phí 200.000 đồng.
- + Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá: 3.000.000 đồng buộc ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị N phải nộp để hoàn trả lại cho ông Đinh Quý P.
- + Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Hoàn tiền tạm ứng áp phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Luật đất đai năm 2013;
- Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;
- Căn cứ Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử

### 1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Buộc bà Phạm Thị N nhà số 10 đường 26, khu phố 5, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh trả lại diện tích đất đã lấn chiếm trên lối đi chung có ký hiệu số thứ tự 1 có diện tích 1.9m<sup>2</sup> và số thứ tự 4 có diện tích 1.9m<sup>2</sup> và ông Phạm Văn X nhà số 10A đường 26, khu phố 5, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh trả lại phần diện tích đất đã lấn chiếm trên lối đi chung có ký hiệu số thứ tự 5 có diện tích 2.7m<sup>2</sup> (theo bản bản đồ hiện trạng vị trí – xác định ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ Sở tài nguyên Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 26/4/2016).

- Buộc bị đơn bà Phạm Thị N và ông Phạm Văn X phải tháo dỡ, di dời hàng rào, mái hiên, bếp lò và toàn bộ các vật dụng gây cản trở, lấn chiếm trên lối đi chung tọa lạc tại phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức (nhằm thửa cũ 49, (49), 50, đường a, tờ bản đồ số 53, Bộ địa chính phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, theo tài liệu năm 2005 và theo bản đồ hiện trạng vị trí – xác định ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ Sở tài nguyên Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 26/4/2016).

Trường hợp ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị N không tự tháo dỡ, di dời hàng rào, mái hiên, bếp lò và toàn bộ các vật dụng gây cản trở, lấn chiếm trên lối đi chung này thì ông Đinh Quý Phí có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành để trả lại mặt bằng trống trên lối đi chung nêu trên.

### 2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Phạm Thị N và ông Phạm Văn X phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng)(mỗi người nộp 100.000 đồng).

Buộc bà Phạm Thị N và ông Phạm Văn X phải nộp 3.000.000 đồng (mỗi người nộp 1.500.000 đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá để hoàn trả lại cho ông Đinh Quý P.

Trả cho ông Đinh Quý P tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 7269 ngày 27/5/2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**Nơi nhận:**

- Đương sự của vụ án;
- VKSND Q.TĐ;
- Chi cục Thi hành án DS Q.TĐ;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

Đỗ Thị Thu Thảo

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các Hội thẩm nhân dân

Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thu Thảo



**Nơi nhân:**

- Đương sự của vụ án;
- VKSND Q.TĐ;
- Chi cục Thi hành án DS Q.TĐ;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Thu Thảo**